TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2024/DS-PT
Ngày: 16/12/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thái Bình

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường, ông Vũ Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Mai Hân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 10-16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sư thụ lý số 165/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 231/2024/QĐ-PT, ngày 05 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2024/QĐ-PT, ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: ông Trần Phát T1, sinh năm 1991, địa chỉ: F đường L, ấp F, xã L, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1956 và ông Nguyễn N, sinh năm 1960; cùng trú địa chỉ: Thôn E, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Trần Thị T trình bày:

Bà Trần Thị T khởi kiện, yêu cầu buộc vợ chồng bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tần số tiền nợ gốc đã vay là 300.000.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 2%/tháng từ thời điểm ngày 17/10/2021 đến khi giải quyết xong vụ án.

Bởi vì từ khoảng tháng 3/2020, vợ chồng bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn N nhiều lần vay tiền của bà Trần Thị T. Đến khi hai bên không vay tiền với nhau nữa thì tổng số tiền vợ chồng bà Đ, ông N còn thiếu bà T là 1.249.000.000 đồng. Tháng 9/2021 bà T khởi kiện vợ chồng bà Đ, ông N ra Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh để yêu cầu trả nợ; quá trình Tòa án giải quyết vụ án theo đơn kiện của bà T thì hai bên thống nhất xác định tổng số tiền vợ chồng ông N, bà Đ phải trả cho bà T là 800.000.000 đồng, bà T cho vợ chồng bà Đ, ông N trả trước 500.000.000 đồng, còn nợ lại 300.000.000 đồng chưa trả nên hiện nay bà T tiếp tục khởi kiện để yêu cầu trả.

Căn cứ pháp lý để bà Trần Thị T đưa ra yêu cầu là giấy thỏa thuận trả tiền nợ lập ngày 17/10/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác như nội dung ghi âm thể hiện trong USB đã cung cấp cho Tòa án.

[2]. Theo lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên Tòa, bị đơn - bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn N đều trình bày:

Vợ chồng bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T. Bởi vì vợ chồng bà Đ, ông N xác định không vay của bà Tần số tiền 300.000.000 đồng như nội dung bà T khởi kiện trong vụ án.

Thời điểm trước năm 2021, vợ chồng bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn N có chơi một số dây hụi do bà Trần Thị T làm chủ và có thiếu bà T một số tiền. Đến năm 2021, bà T tính toán cả nợ gốc lẫn lãi vợ chồng bà Đ, ông N còn thiếu là 800.000.000 đồng và khởi kiện vợ chồng bà Đ, ông N ra Toà án nhân dân huyện Tánh Linh. Đến ngày 18/10/2021 tại Toà án, hai bên đã thống nhất xác định lại số tiền vợ chồng bà Đ, ông N còn nợ bà T là 500.000.000 đồng. Vợ chồng bà Đ, ông N đã trả đủ số tiền nợ cho bà T tại Tòa án và bà T viết giấy nhận tiền với nội dung *"Tôi đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng, giấy ghi nợ gốc trước kia tôi không mang theo, khi về nhà tôi sẽ trả lại cho bà Đ và ông N".* Ngoài số tiền nợ đã nhận và đã trả ra thì vợ chồng bà Đ, ông N không vay của bà T khoản tiền nào khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào:

1. Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 159, 161 và 203 Bộ luật Tố tụng dân sự;

2. Khoản 1, 2 điều 372; các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

3.Điểm đ, khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Trần Thị T về việc buộc vợ chồng bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tần số tiền nợ gốc đã vay là 300.000.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh.

2.Về chi phí giám định: Buộc bà Trần Thị T phải chịu 4.200.000 đồng chi phí giám định. Bà T phải có nghĩa vụ hoàn lại cho vợ chồng bà Phan Thị Đ, ông Nguyễn N số tiền 4.200.000 đồng chi phí giám định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 01/8/2024, nguyên đơn Trần Thị T kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ yêu cầu kháng cáo về khoản nợ 300.000.000 đồng, không yêu cầu khoản tiền lãi phát sinh.

- Bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp chứng cứ mới là: "Giấy giao nhận nợ gốc cũ", lập ngày 18/10/2021. Vi bằng số 44/2024 ngày 27/11/2024, về việc nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà T và vợ chồng bà Đ, ông N.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Bà Trần Thị T yêu cầu vợ chồng bà Phan Thị Đ – ông Nguyễn N

phải trả 300.000.000 đồng, không yêu cầu lãi phát sinh.

[2.2] Bà Trần Thị T trình bày trước đây bà khởi kiện tại Tòa án huyện Tánh Linh về khoản nợ gốc 1.249.000.000 đồng, cộng với lãi thì lên tới gần 1,5 tỷ đồng. Tại Tòa án, bên bị đơn đã xin giảm xuống còn 1 tỷ đồng. Sau đó đến ngày 17/10/2021, thì vợ chồng bà Đ đến nhà bà T tiếp tục xin giảm số tiền, hai bên đã thống nhất số tiền còn phải trả là 800.000.000 đồng, và cùng xuống tòa ký giấy trả 500.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng nợ lại, hạn trả 17/10/2022. Việc thỏa thuận này có lập giấy, bà Đ và ông N ký giấy. Qua hôm sau là ngày 18/10/2021, hai bên đã xuống tòa án thực hiện thỏa thuận trên, trả 500.000.000 đồng, bà T rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ việc giải quyết vụ án. Bà T trình bày các giấy tờ về việc giao nhận tiền cũng như thủ tục rút đơn được lập tại tòa. Bà T không tự lập các giấy tờ trên, bà T ký các biên bản thể hiện không còn nợ nữa là để giải quyết vụ án đang khởi kiện. Bà T trình bày bà ký như vậy để bà N1 không còn mang tiếng nợ nần. Còn thực tế thì theo thỏa thuận lại vào ngày 17/10/2021 thì vẫn còn nợ 300.000.000 đồng, cho 1 năm sau trả. Khi bà ký giấy nhận tiền tại Tòa thì bà cũng có ghi là giấy nợ gốc trước kia khi về nhà sẽ trả lại cho bà Đ. Chính vì thỏa thuận như vậy nên khi về nhà, cũng trong ngày 18/10/2021, bà T đã lập giấy giao lại hai giấy nợ cũ (02/3/2020 và 5/7/2021, với tổng số tiền gốc là 1.249.000.000 đồng). Giấy nợ mới lập ngày 17/10/2021 thì bà T vẫn giữ và đến hẹn trả nợ là ngày 17/10/2022, bà T đòi nợ nhiều lần nhưng bị đơn không trả nên bà T khởi kiện.

[2.3] Xét thấy lời trình bày của bà T như trên là có căn cứ, phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ và chứng cứ mới mà bà T cung cấp. Có cơ sở để xác định giữa hai bên có thỏa thuận phải trả số tiền 800.000.000 đồng, trả trước tại tòa án 500.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng cho nợ lại 1 năm sau trả. Kết luận giám định số 455/KL-KTHS ngày 8/5/2024 của Phòng K - Công an tỉnh B cũng đã kết luận: "Không đủ cơ sở kết luận mẫu cần giám định ký hiện A có bị điền thêm hay không. Nội dung bắt đầu từ: "Còn 3 trăm nợ …" và kết thúc bằng: "…Hạn trả 17/10/2022" trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A là chử viết do cùng một người viết ra".

Giấy thỏa thuận trả nợ ngày 17/10/2021 được bị đơn thừa nhận có ký, Kết luận giám định không bác bỏ giấy này. Sự thỏa thuận phù hợp với nội dung và diễn biến vụ kiện trước đó. Giấy tờ lập sau khi trả nợ tại Tòa về việc trả lại bản gốc hai giấy nợ trước đó cũng phù hợp với ý chí thỏa thuận. Bà Đ khi ký nhận hai giấy nợ cũ cũng không có ý kiến gì về giấy thỏa thuận trả nợ ngày 17/10/2021 mà bà T đang giữ. Bà T cũng đã giữ giấy gốc ngày 17/10/2021, để sau này đòi nợ và là căn cứ khởi kiện.

Các tài liệu lập tại Tòa án về việc trả nợ và rút đơn kiện thể hiện không còn khoản nợ nào không phải là căn cứ để bác bỏ giấy thỏa thuận trả nợ lập

ngày 17/10/2021. Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh ra quyết định đình chỉ vụ án ngày 18/10/2021 do nguyên đơn rút đơn khởi kiện, không phải quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự. Như vậy vụ việc kiện đối với các khoản nợ, theo quy định của pháp luật thì chưa được xem là đã được giải quyết. Quyết định đình chỉ cũng nêu nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án. Khoản nợ lập ngày 17/10/2021 đến ngày 17/10/2022 mới đến hạn trả nợ. Do bị đơn không trả theo thỏa thuận nên tháng 10/2023 nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ.

Trong vụ việc, thực tế theo giấy nợ cũ thì bị đơn có nợ nguyên đơn tiền gốc là 1.249.000.000 đồng, nguyên đơn đã khởi kiện, bị đơn đã thừa nhận trách nhiệm, các bên đã thương lượng giảm khoản nợ. Việc thương lượng giảm xuống còn 800.000.000 đồng, trả trước 500.000.000 đồng, còn nợ lại 300.000.000 đồng 1 năm sau trả là phù hợp với diễn biến trước và sau khi rút đơn kiện, phù hợp với các chứng cứ đã thu thập tại cấp sơ thẩm, được bổ sung tại cấp phúc thẩm. Quá trình giải quyết ở sơ thẩm, nguyên đơn chưa cung cấp hết các chứng cứ, như giấy giao lại giấy nợ gốc, vi bằng lập sau ngày xét xử sơ thẩm, dẫn đến cấp sơ thẩm không có đầy đủ thông tin, chứng cứ để đánh giá. Tại cấp phúc thẩm, có tình tiết, chứng cứ mới phát sinh, làm rõ hơn vụ việc như đã phân tích trên. Xét thấy kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ

[3] Về số tiền phải trả: Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 300.000.000 đồng và lãi phát sinh. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu tiền gốc 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, nên bà T không phải chịu chi phí giám định, chi phí này bà Đ và ông N đã chi 4.200.000 đồng, bà Đ và ông N phải chịu.

Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm, nhưng các bị đơn đều đã trên 60 tuổi, nên được miễn nộp án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Trần Thị T, sửa Bản án sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Tần

Buộc vợ chồng bà Phan Thị Đ - ông Nguyễn N phải trả cho bà Trần Thị Tần S tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thì hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn N phải chịu 4.200.000 đồng chi phí giám định, bà Đ và ông N đã chi phí đủ.

Về án phí: Bà Phan Thị Đ và ông Nguyễn N được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/12/2024).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện Tánh Linh;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thái Bình